TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân D và bà Trần Thị Bích H

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn A, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: 2.1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện T, Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện T, Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.2. Chị Phan Thị E, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Q, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Vũ Văn A trình bày:

Anh với anh Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn C là người cùng làng nên có quan hệ quen biết từ lâu. Năm 2020 với lý do cần tiền xử lý công việc gấp, anh B nói với anh cần tiền để trả vào chỗ vay lãi nặng nên có gọi điện cho anh để hỏi vay tiền, hứa rằng không quá 01 tháng sẽ bán lô gỗ sưa trong kho để trả tiền cho anh, anh đồng ý cho anh B vay tiền. Nhưng vì chưa hoàn toàn tin tưởng anh B và lo sợ

anh B có thể dùng tiền không đúng mục đích nên anh yêu cầu phải xác minh lại thông tin. Anh B khẳng định là đúng và nói rằng có bố là ông C cũng biết sự việc. Anh yêu cầu được gặp cả hai bố con anh B để thống nhất nội dung công việc. Sau đó anh B có chở ông C đến nhà anh nói chuyện. Qua trao đổi thì ông C cũng khẳng định là có vay có trả và cũng đồng ý cùng anh B nhận tiền vay của anh và cùng nhau ký giấy tờ để có trách nhiệm trả nợ đúng hạn. Cùng ngày 29/4/2020 anh và hai bố con anh B cùng nhau lập hợp đồng cho vay tiền. Theo đó, anh cho hai bố con anh B vay số tiền 60.000.000đ. Hai bố con anh B đã nhận tiền mặt từ anh và đếm đủ 60.000.000đ. Ngay sau đó anh B rút ra từ cọc tiền một tờ 500.000đ đưa cho ông C và nói "Bố cầm lấy tiền tí mua thuốc là hút". Ông C cầm tiền rồi hai bố con ông C đi về. Tuy nhiên, đến hạn thì anh B không trả tiền cho anh như đã hẹn, nhiều lần anh đến nhà anh B tìm gặp nhưng anh B luôn trốn tránh và khất hẹn. Anh cũng có đến nhà ông C để đòi tiền thì ông C bảo anh cứ về đi, có gì sẽ bảo anh B thu xếp trả nợ. Cuối năm 2021, anh có gửi giấy thông báo theo đường bưu điện đến cho cả anh B và ông C để thông báo về nghĩa vụ trả nợ. Sau đó anh B gọi điện cho anh hẹn rằng mỗi tháng vào ngày cuối tháng sẽ trả cho anh 10.000.000đ thì sau 6 tháng sẽ trả hết khoản nợ. Nhưng sau đó thì anh B chỉ chuyển cho anh được 01 lần là 5.000.000đ rồi không chuyển thêm lần nào nữa. Tháng nào anh cũng gọi điện để thúc giục anh B thu xếp trả nợ nhưng anh B luôn tìm lý do để khất hẹn. Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh B và ông C phải trả cho anh số tiền còn nợ là 55.000.000đ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có lời khai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2022, Bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là bố anh Nguyễn Văn B, ngày 29/4/2020, ông cùng anh B có đến nhà anh A để vay số tiền 60.000.000đ, việc vay tiền có giấy tờ là "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền". Về thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay có ghi rõ trong hợp đồng. Sau khi thỏa thuận xong, anh A có giao tiền cho anh B, anh B đã nhận đủ số tiền vay. Ông và anh B có ký vào giấy vay tiền, số tiền vay được anh B sử dụng, ông không sử dụng. Đến nay ông chưa trả cho anh A số tiền nào, còn anh B có trả hay không thì ông không nắm được. Nay anh A yêu cầu ông và anh B trả nợ, quan điểm của ông là số tiền vay anh B nhận và sử dụng nên anh B có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2022, bà Lê Thị D trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn C và là mẹ anh Nguyễn Văn B. Việc anh B và ông C vay mượn tiền của anh Vũ Văn A bà không biết gì. Số tiền vay, mục đích vay, lãi suất và thời hạn trả nợ bà không biết và không liên quan. Nay anh A khởi kiện đòi nợ đối với anh B và ông C, quan điểm của bà là ai vay thì người đó có trách nhiệm trả.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2023, chị Phan Thị E trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Văn B. Do anh B nợ nần nhiều nên bỏ đi khỏi nhà, nay đang ở đâu chị không biết. Về việc anh A khởi kiện đòi nợ đối với anh B, anh B vay anh A bao nhiêu tiền, vay từ thời điểm nào, mục đích vay là gì chị không biết. Anh B vay riêng, không chi tiêu hay làm ăn kinh tế gia đình. Nay anh A khởi kiện đòi nợ đối với anh B, chị đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 06/10/2022, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị được biết chồng chị là anh A đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T để đòi nợ đối với ông C và anh B. Nhưng khi chồng chị cho ông C và anh B vay tiền thì chị hoàn toàn không biết đến việc đó vì chồng chị không nói gì hay trao đổi gì với chị. Chị khẳng định số tiền mà chồng chị cho vay là tiền riêng của chồng chị, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn A. Buộc anh Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn C phải trả cho anh Vũ Văn A số tiền 55.000.000đ. Về án phí, anh B, ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và C cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là anh Vũ Văn A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có địa chỉ tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh B, ông C, bà Lê Thị D, chị Phan Thị E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Theo "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 29/4/2020 giữa anh anh Vũ Văn A và anh Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn C thể hiện anh A cho anh B và ông C vay là 60.000.000đ, mục đích vay là trả sang chỗ vay lãi cao đang nợ, thời hạn vay từ ngày 29/4/2020 đến ngày 30/5/2020, lãi suất 1,5%/tháng. Tại phần Bên B (bên vay) ghi "Ông/Bà NGUYỄN VĂN B", phần nội dung thỏa thuận có ghi "Ông: VŨ VĂN A đồng ý cho Ông/bà Nguyễn Văn B + C vay số tiền là: 60.000.000VNĐ (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng)", phần ĐẠI DIỆN BÊN B có chữ ký và họ tên anh Nguyễn Văn B, ông C ký cuối trang và không ghi họ tên. Nên cần xác định hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi.

[2.2] Quá trình giải quyết anh B không có mặt và không có lời khai, tuy nhiên sau khi vay tiền, anh B đã trả trả nợ cho anh A số tiền 5.000.000đ. Ngoài ra, lời khai của ông C (bố đẻ anh B) cũng khẳng định ngày 29/4/2020, ông cùng anh B có trực tiếp đến nhà anh A để vay số tiền 60.000.000đ, việc vay tiền có giấy tờ là "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền". Như vậy xác định có việc anh B, ông C vay số tiền 60.000.000đ của anh A có C cứ.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, anh B có trả cho anh A số tiền 5.000.000đ tiền gốc, sau đó không tiếp tục trả nợ theo thời hạn của hợp đồng. Do anh B và ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh B và ông C phải trả cho anh A số tiền 55.000.000đ tiền gốc còn nợ.

[2.4] Xét thấy đây là giao dịch dân sự về việc vay tiền, các bên tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi tham gia giao dịch là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, trước khi các bên giao kết hợp đồng, anh A có xác minh về mục đích anh B, ông C vay tiền là để anh B trả khoản vay lãi nặng trước đó.

Ngoài ra, trong hợp đồng vay tiền thể hiện mục đích vay là: Trả sang chỗ vay lãi cao đang nợ. Ông C thừa nhận có ký vào Hợp đồng vay tiền nhưng không thừa nhận là có sử dụng số tiền vay cùng anh B. Bà Lê Thị D (vợ ông C) và chị Phan Thị E (vợ anh B) không tham gia giao kết hợp đồng và đều trình bày rằng không biết việc anh B và ông C vay tiền anh A. Như vậy cần xác định anh B, ông C là người vay tài sản nên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh A là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2.5] Do anh B, ông C cùng thực hiện vay chung một khoản tiền. Tuy nhiên anh A, anh B và ông C đều không thể hiện kỉ phần vay của từng người nên Hội đồng xét xử xác định anh B, ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ cho anh A là 55.000.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự.

[2.6] Về lãi suất, anh A không yêu cầu anh B ông C phải trả nên anh B, ông C không phải trả lãi suất cho anh A.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 288 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] Buộc anh Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn C phải liên đới trả cho anh Vũ Văn A số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Vũ Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh Vũ Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000336 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Mầu Văn Mùi